

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận sinh viên đủ điều kiện học đại học chính quy chương trình thứ hai năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/06/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non; Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non";

Căn cứ Quyết định số 585/QĐ-ĐHTM ngày 15/4/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Trường.

Căn cứ Quyết định số 1119/QĐ-ĐHTM ngày 22/07/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại; Quyết định số 961/QĐ-ĐHTM ngày 06/06/2023 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại ban hành theo Quyết định số 1119/QĐ-ĐHTM ngày 22/07/2021;

Căn cứ Thông báo số 2598/TB-ĐHTM ngày 08/10/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về việc Đăng ký xét tuyển đại học chính quy chương trình thứ hai năm 2025;

Căn cứ kết quả học tập chương trình đào tạo thứ nhất của sinh viên đăng ký xét tuyển đại học chính quy chương trình thứ hai;

Xét đề nghị của Trường phòng Truyền thông và tuyển sinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 68 sinh viên đủ điều kiện học đại học chính quy chương trình thứ hai năm 2025 từ học kỳ II năm học 2025 - 2026 theo ngành (chương trình đào tạo), có danh sách kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các Phòng: Truyền thông và tuyển sinh, Quản lý đào tạo, Kế hoạch tài chính, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Pháp chế và Thanh tra, Công tác sinh viên; Trưởng các Khoa/Viện có liên quan và sinh viên có tên trong danh sách trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TT&TS, QLĐT, CTSV.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Hoàng

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỌC ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CHƯƠNG TRÌNH THỨ HAI NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 2166/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 10 năm 2025)

STT	Họ và tên	Mã Sinh viên	Chương trình thứ nhất						Chương trình thứ hai	Ghi chú
			Lớp hành chính	Tổng số TCTL	Điểm TBCTL	Năm trúng tuyển	Đạt ngưỡng ĐBCL đầu vào năm 2025	Đáp ứng điều kiện trúng tuyển chương trình thứ 2	Ngành (Chương trình đào tạo)	
1	Trịnh Phương Hồng Anh	23D200005	K59P1	56	2.97	2023	x		Hệ thống thông tin quản lý (Quản trị Hệ thống thông tin)	
2	Nguyễn Minh Anh	23D260078	K59EK3	57	2.79	2023	x		Luật kinh tế (Luật kinh tế)	
3	Lê Đức Anh	23D210096	K59U3	53	2.75	2023	x		Luật kinh tế (Luật kinh tế)	
4	Nguyễn Quỳnh Anh	23D110058	K59BKS2	49	3.12	2023	x		Thương mại điện tử (Quản trị thương mại điện tử)	
5	Bùi Mai Anh	23D110057	K59BKS2	49	2.77	2023	x		Kiểm toán (Kiểm toán)	
6	Lê Quang Anh	23D109046	K59AS2	60	2.78	2023	x		Luật kinh tế (Luật kinh tế)	
7	Nguyễn Quang Anh	24D200043	K60P2	31	2.93	2024	x		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng)	
8	Nguyễn Thị Tâm Anh	24D160221	K60F5	31	3.71	2024	x		Luật kinh tế (Luật kinh tế)	
9	Bùi Quỳnh Anh	23D300096	K59LQ3	58	3.3	2023	x		Kinh doanh quốc tế (Thương mại quốc tế)	
10	Lê Bảo Anh	24D120100	K60C3	31	3.05	2024	x		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng)	
11	Vũ Thị Vân Anh	24D120055	K60C2	31	3.77	2024	x		Luật kinh tế (Luật kinh tế)	
12	Bùi Gia Bách	24D201050	K60PQ2	30	3.31	2024	x		Thương mại điện tử (Quản trị thương mại điện tử)	
13	Đặng Gia Bảo	24D200047	K60P2	31	3.17	2024	x		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng)	
14	Hà Nhật Bình	23D280004	K59HC1	59	2.64	2023	x		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng)	
15	Nguyễn Tùng Chi	23D260081	K59EK3	57	2.91	2023	x		Tài chính - Ngân hàng (Công nghệ tài chính ngân hàng)	
16	Nguyễn Quốc Chuyên	22D100047	K58A6	88	2.25	2022	x	x	Hệ thống thông tin quản lý (Quản trị Hệ thống thông tin)	
17	Dương Huy Đại	24D200050	K60P2	31	2.82	2024	x		Quản trị kinh doanh (Quản trị kinh doanh)	
18	Nguyễn Hùng Đạt	23D290009	K59DK1	59	3.69	2023	x		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng)	

STT	Họ và tên		Mã Sinh viên	Chương trình thứ nhất						Chương trình thứ hai	Ghi chú
				Lớp hành chính	Tổng số TCTL	Điểm TBCTL	Năm trúng tuyển	Đạt ngưỡng ĐBCL đầu vào năm 2025	Đáp ứng điều kiện trúng tuyển chương trình thứ 2	Ngành (Chương trình đào tạo)	
19	Kiều Quốc	Đạt	23D190008	K59S1	55	2.61	2023	x		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng)	
20	Nguyễn Lộc	Đức	23D170179	K59N4	48	2.67	2023	x		Quản trị nhân lực (Quản trị nhân lực doanh nghiệp)	
21	Nguyễn Hồng	Dương	23D200011	K59P1	57	3.22	2023	x		Tài chính - Ngân hàng (Tài chính công)	
22	Đoàn Hương	Giang	24D200051	K60P2	31	2.68	2024	x		Ngôn ngữ Trung Quốc (Tiếng Trung thương mại)	
23	Nguyễn Hương	Giang	24D201010	K60PQ1	30	2.96	2024	x		Thương mại điện tử (Quản trị thương mại điện tử)	
24	Trần Thu	Hà	24D120063	K60C2	31	3.04	2024	x		Ngôn ngữ Trung Quốc (Tiếng Trung thương mại)	
25	Đỗ Thị Thái	Hà	24D200092	K60P3	31	3.14	2024	x		Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh Thương mại)	
26	Nguyễn Thị Việt	Hà	23D100166	K59A4	60	3.51	2023	x		Luật kinh tế (Luật kinh tế)	
27	Hoàng Trung	Hải	23D210105	K59U3	56	2.71	2023	x		Luật kinh tế (Luật kinh tế)	
28	Vương Đình	Hiển	23D190063	K59S2	56	2.76	2023	x		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng)	
29	Nguyễn Minh	Hiếu	23D300011	K59LQ1	59	3.49	2023	x		Ngôn ngữ Trung Quốc (Tiếng Trung thương mại)	
30	Nguyễn Kim	Hoài	22D260043	K58EK3	98	3.43	2022	x		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng)	
31	Cao Thị Ngân	Hồng	23D160176	K59F4	56	2.83	2023	x		Kế toán (Kế toán doanh nghiệp)	
32	Đoàn Mạnh	Hùng	23D109016	K59AS1	57	2.67	2023	x		Luật kinh tế (Luật kinh tế)	
33	Nguyễn Anh	Huy	23D200058	K59P2	55	2.82	2023	x		Tài chính - Ngân hàng (Tài chính công)	
34	Nguyễn Thị	Huyền	23D105016	K59Q1	58	2.88	2023	x		Ngôn ngữ Trung Quốc (Tiếng Trung thương mại)	
35	Ngô Thị Ngọc	Huyền	23D180159	K59H4	59	3.07	2023	x		Luật kinh tế (Luật kinh tế)	
36	Nguyễn Minh	Khuê	23D110137	K59BKS3	49	3.13	2023	x		Thương mại điện tử (Kinh doanh số)	
37	Vũ Diệu	Linh	23D108027	K59AA1	56	2.97	2023	x		Luật kinh tế (Luật thương mại quốc tế)	
38	Đào Ngọc	Linh	23D185072	K59HH2	55	3.27	2023	x		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng)	
39	Hoàng Vũ Hà	Linh	23D100180	K59A4	56	2.46	2023	x	x	Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh thương mại)	
40	Lê Nhật	Linh	22D150093	K58D3	90	2.33	2022	x	x	Quản trị kinh doanh (Quản trị kinh doanh)	
41	Vũ Lê Phương	Linh	22D150100	K58D1	98	2.82	2022	x		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng)	

STT	Họ và tên		Mã Sinh viên	Chương trình thứ nhất					Chương trình thứ hai		Ghi chú
				Lớp hành chính	Tổng số TCTL	Điểm TBCTL	Năm trúng tuyển	Đạt ngưỡng ĐBCL đầu vào năm 2025	Đáp ứng điều kiện trúng tuyển chương trình thứ 2	Ngành (Chương trình đào tạo)	
42	Trần Thị Mai	Linh	24D160084	K60F2	31	3.02	2024	x		Luật kinh tế (Luật kinh tế)	
43	Điền Thị Ngọc	Linh	23D120171	K59C4	59	3.39	2023	x		Luật kinh tế (Luật kinh tế)	
44	Vũ Phương	Linh	23D211023	K59UU1	57	2.72	2023	x		Kế toán (Kế toán doanh nghiệp)	
45	Nguyễn Khánh	Ly	23D105063	K59Q2	59	3.14	2023	x		Luật kinh tế (Luật kinh tế)	
46	Phạm Hoàng	Mai	23D170034	K59N1	61	3.54	2023	x		Quản trị khách sạn (Quản trị khách sạn)	
47	Khúc Nguyễn Bình	Minh	24D192069	K60SN2	30	2.84	2024	x		Thương mại điện tử (Kinh doanh số)	
48	Nguyễn Quang	Minh	23D190170	K59S4	59	3.47	2023	x		Thương mại điện tử (Quản trị thương mại điện tử)	
49	Đỗ Hữu Tuệ	Minh	23D109068	K59AS2	57	3.25	2023	x		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng)	
50	Nguyễn Kim	Ngân	23D107152	K59QT3	55	3.15	2023	x		Thương mại điện tử (Quản trị thương mại điện tử)	
51	Hoàng Yến	Nhi	23D211028	K59UU1	57	2.82	2023	x		Kế toán (Kế toán doanh nghiệp)	
52	Nguyễn Bảo	Như	24D200072	K60P2	31	3.04	2024	x		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và Xuất nhập khẩu - Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế - IPOP)	
53	Khuất Mai	Oanh	23D108036	K59AA1	59	2.76	2023	x		Kiểm toán (Kiểm toán)	
54	Đoàn Cảnh	Phong	23D105069	K59Q2	58	2.96	2023	x		Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh thương mại)	
55	Đào Đức	Phúc	24D109033	K60AS1	30	2.91	2024	x		Marketing (Marketing Thương mại)	
56	Nguyễn Thuý	Phương	23D200112	K59P3	57	3.37	2023	x		Tài chính - Ngân hàng (Tài chính - Ngân hàng thương mại)	
57	Nguyễn Minh	Quân	22D112150	K58B1KN	84	2.77	2022	x		Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh Thương mại)	
58	Đoàn Như	Quỳnh	23D211032	K59UU1	57	3.16	2023	x		Kế toán (Kế toán doanh nghiệp)	
59	Phạm Hoàng	Sơn	23D110098	K59BKS2	47	2.66	2023	x		Tài chính - Ngân hàng (Tài chính - Ngân hàng thương mại)	
60	Đỗ Phương	Thảo	23D185037	K59HH1	55	2.9	2023	x		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và Xuất nhập khẩu - Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế - IPOP)	
61	Bùi Hồng	Thịnh	23D100249	K59A5	57	2.9	2023	x		Luật kinh tế (Luật kinh tế)	
62	Nguyễn Anh	Thư	24D160209	K60F4	31	3.56	2024	x		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng)	
63	Nguyễn Khắc	Tĩnh	23D130045	K59E1	66	3.07	2023	x		Luật kinh tế (Luật kinh tế)	

STT	Họ và tên	Mã Sinh viên	Chương trình thứ nhất						Chương trình thứ hai	Ghi chú
			Lớp hành chính	Tổng số TCTL	Điểm TBCTL	Năm trúng tuyển	Đạt ngưỡng ĐBCL đầu vào năm 2025	Đáp ứng điều kiện trúng tuyển chương trình thứ 2	Ngành (Chương trình đào tạo)	
64	Nguyễn Thị Huyền Trang	23D200036	K59P1	57	3.23	2023	x		Thương mại điện tử (Quản trị thương mại điện tử)	
65	Nguyễn Thu Trang	23D107169	K59QT3	57	3.18	2023	x		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng)	
66	Vũ Quỳnh Trang	23D107170	K59QT3	57	3.69	2023	x		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng)	
67	Nguyễn Phan Thảo Vy	23D170111	K59N2	58	3.54	2023	x		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng)	
68	Hoàng Hải Yên	23D300189	K59LQ4	56	2.73	2023	x		Kinh doanh quốc tế (Thương mại quốc tế)	



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Hoàng